

VIETNAM COMMODITY CONTROL & CERTIFICATION JOINT STOCK COMPANY
VCC&C

1G Dinh Bo Linh Street –Ward 15 - Binh Thanh District - Ho Chi Minh City - Viet Nam

Tel : 84.28.38271444/38271555 (6 lines) - Fax : 84.28.38271333

<http://www.vccc.com.vn> - Email: info@vccc.com.vn

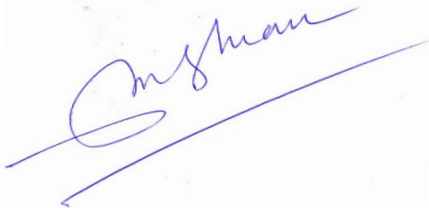
---- oOo ----



CERTIFICATION PROCEDURE UTZ
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN UTZ
(ISO/IEC 17065)

Mã số: PM–16/UC

Ban hành: 01/05/2019

Writer/Người viết	Reviewer/Người xem xét	Approver/Người phê duyệt
		
Phan Thị Mỹ Hòa	Lê Quang Bình	Lê Anh Tuấn

	CERTIFICATION PROCEDURE UTZ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN UTZ	Mã số: PM-16/UC
		Ngày: 01/05/2019
		Trang: 2/17

THEO DÕI SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

MONITORING OF DOCUMENT REVISION

No. Stt	Place Vị trí	Content of revision Nội dung sửa đổi	Date of revision Ngày sửa đổi
01	The third line of the cover page and Format form Dòng thứ ba của trang bìa và Biểu mẫu	Change of company address Thay đổi địa chỉ công ty: From address: 5th Floor - 135A Pasteur Street - Ward 6 - District 3 - Ho Chi Minh City - Viet Nam to address: 1G Dinh Bo Linh Street –Ward 15 - Binh Thanh District - Ho Chi Minh City - Viet Nam Từ địa chỉ: Lầu 5 – 135A Pasteur - Phường 6 - Quận 3 – TP. Hồ Chí Minh – Việt Nam đến địa chỉ: 1G Đinh Bộ Lĩnh - Phường 15 - Quận Bình Thạnh – TP. Hồ Chí Minh – Việt Nam	01/05/2019

	CERTIFICATION PROCEDURE UTZ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN UTZ	Mã số: PM-16/UC
		Ngày: 01/05/2019
		Trang: 3/17

CONTENTS NỘI DUNG		Page Trang
1.	Objectice Mục đích	5
2.	Scope Phạm vi	5
3.	Normative Reference Tài liệu viện dẫn	5
4.	Contents Nội dung	5
4.1	Stipulation Quy định	5
4.2	Performance scheme Lưu đồ thực hiện	6
4.3	Description Mô tả	8
4.3.1	Information on the procedure Thông tin thủ tục	8
4.3.2	Preparation for audit Chuẩn bị đánh giá	8
4.3.3	Audit Đánh giá	9
4.3.4	Addendum audit Đánh giá bổ sung	9
4.3.5	Audit report Báo cáo đánh giá	9

	CERTIFICATION PROCEDURE UTZ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN UTZ	Mã số: PM-16/UC
		Ngày: 01/05/2019
		Trang: 4/17

4.3.6	Xem xét báo cáo và quyết định chứng nhận	10
	Report review and certification decision making	
4.3.7	Cấp chứng nhận	10
	Grant license	
4.3.8	Giám sát/Đánh giá đột xuất	11
	Surveillance/Unannounced audit	
4.3.9	Đánh giá chứng nhận lại	11
	Re-certification audit	
5.	Applied forms. Kept records	11
	Biểu mẫu áp dụng, Hồ sơ lưu trữ	
5.1	Biểu mẫu áp dụng đối với cà phê	12
	Forms applicable for coffee	
5.2	Biểu mẫu áp dụng đối với cacao	13
	Forms applicable for cocoa	
5.3	Biểu mẫu áp dụng đối với chè	15
	Forms applicable for tea	

	CERTIFICATION PROCEDURE UTZ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN UTZ	Mã số: PM-16/UC
		Ngày: 01/05/2019
		Trang: 5/17

1	OBJECTIVE	1	Mục đích
	This procedure is specifying Certification Method for Organizations/Producers who want to seek Utz Certification by VCC&C.		Quy trình qui định cách thức tiến hành đánh giá chứng nhận của VCC&C đối với các Nhà sản xuất/Tổ chức xin đánh giá chứng nhận Utz
2	Scope	2	Phạm vi
	This procedure is applied for Certification operation of VCC&C for Organizations/Producers want seek Utz certification.		Quy trình này áp dụng cho hoạt động đánh giá của VCC&C đối với các Nhà sản xuất/Tổ chức xin đánh giá chứng nhận theo Utz.
3	NORMATIVE REFERENCE	3	TÀI LIỆU VIỆN DẪN
	- Quality Manual (QM)		- Sổ tay chất lượng (QM)
	- ISO/IEC 17065		- ISO/IEC 17065
	- ISO/IEC 17067		- ISO/IEC 17067
	- ISO/IEC 17000		- ISO/IEC 17000
	- ISO 19011		- ISO 19011
	- General Regulation on Certification of VCC&C (PM-17)		- Quy định về hoạt động đánh giá chứng nhận của VCC&C (PM-17)
	- Certification handbook (PM-20)		- Cẩm nang chuyên gia đánh giá (PM-20)
	- Certification Auditor management Procedure (PM-8.4)		- Quy trình Quản lý chuyên gia đánh giá (PM-8.4)
	- Utz Certification Protocol		- Quy chế chứng nhận Utz
	- Utz Core Code of Conduct		- Bộ nguyên tắc Utz
	- Utz Chain of Custody		- Quy định quy trình giám sát nguồn gốc Utz
	This procedure uses terms and definitions of ISO/IEC 17000, ISO 9000 and ISO 19011		Quy trình này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa trong ISO/IEC 17000, ISO 9000 và ISO 19011
	Product certification method is according to ISO/IEC 17067:2013 or Article 12.1 regulated in The decree 179/2004/ND-Cp dated 21/10/2004 of The government (applicable for certification upon quality ordinance)		Phương thức chứng nhận sản phẩm: Tuân theo ISO/IEC 17067:2013 hoặc điều 12.1 quy định trong Nghị định 179/2004/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2004 của chính phủ (áp dụng đối với chứng nhận bắt buộc theo điều 18 của Pháp lệnh chất lượng hàng hóa).
4	Content	4	Nội dung
4.1	Stipulation	4.1	Quy định
	- Auditors of VCC&C are responsible to strictly observe this procedure.		- Các chuyên gia đánh giá chứng nhận của VCC&C có trách nhiệm thực hiện đúng quy trình này.
	- The registration process of producer or producer group must be finalized		- Quá trình đăng ký của nhà sản xuất phải được hoàn tất trước khi tiến hành

	CERTIFICATION PROCEDURE UTZ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN UTZ	Mã số: PM-16/UC
		Ngày: 01/05/2019
		Trang: 6/17

	before certification can take place.		đánh giá chứng nhận
	- VCC&C and Organization/Producer will sign contract on audit once received official request of Organizations/Producers within 14 days		- VCC&C và Tổ chức/Nhà sản xuất sẽ thoả thuận ký kết hợp đồng đánh giá sau khi đã nhận đơn yêu cầu đánh giá chính thức của Tổ chức/Nhà sản xuất trong vòng 14 ngày.
	- Auditors report result as per requirement of the procedures to certification committee within 03 working days after finished the audit		- Các chuyên gia đánh giá báo cáo kết quả theo yêu cầu của quy trình cho Hội đồng chứng nhận trong vòng 3 ngày làm việc sau khi hoàn thành công việc đánh giá.
	- VCC&C shall report result to Organization/Producer within 03 weeks after finished audit		- VCC&C sẽ thông báo kết quả cho các Nhà sản xuất/Tổ chức trong vòng 3 tuần sau khi thực hiện đánh giá.
4.2	Performance scheme	4.2	Lưu đồ thực hiện

The steps of performance Các bước thực hiện		Responsibility Người chịu trách nhiệm	Applied forms Biểu mẫu áp dụng
1	Information on the procedure Thông tin thủ tục	Reception Review Dep. Bộ phận tiếp nhận Bộ phận xem xét	The certification request form Đơn yêu cầu chứng nhận
2	Preparation for audit Chuẩn bị đánh giá	Management Auditor Quản lý Chuyên gia đánh giá	Contract Audit plan Hợp đồng Kế hoạch đánh giá
3	Audit Đánh giá	Auditor Chuyên gia đánh giá	Minutes of meetings Statement Confidentiality Checklist Non-conformity Report and Recommendation Corrective action Form Annex 1 Annex 2 Customer Feedback Form Biên bản họp Cam kết bảo mật Danh mục đánh giá Báo cáo những điểm không phù hợp và nhận xét Phiếu theo dõi hành động khắc phục

	CERTIFICATION PROCEDURE UTZ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN UTZ	Mã số: PM-16/UC
		Ngày: 01/05/2019
		Trang: 7/17

			Phụ lục 1 Phụ lục 2 Nhận xét của khách hàng
4	Audit report Báo cáo đánh giá	Auditor Chuyên gia đánh giá	Summary report Báo cáo tổng kết
5	Addendum audit (if any) Đánh giá bổ sung (nếu có)	Auditor Chuyên gia đánh giá	Corrective action Form Phiếu theo dõi hành động khắc phục
6	Review report Xem xét báo cáo	Certification Committee Hội đồng chứng nhận	Checklist Non-conformity Report and Recommendation Corrective action Form Annex 1 Annex 2 Summary report Review report Notice (If any) Danh mục đánh giá Báo cáo những điểm không phù hợp và nhận xét Phiếu theo dõi hành động khắc phục Phụ lục 1 Phụ lục 2 Báo cáo tổng kết Báo cáo xem xét Thông báo vi phạm (nếu có)
7	Make certification decision Quyết định chứng nhận	Certification Committee Hội đồng chứng nhận	Certification Decision Certificate Certification mark Quyết định chứng nhận Giấy chứng nhận Dấu hiệu chứng nhận
8	Unannounced Audit Đánh giá đột xuất		Preparation → Review report Chuẩn bị → Xem xét báo cáo

4.3	Description	4.3	Mô tả
4.3.1	Information on the procedure	4.3.1	Thông tin thủ tục
	Producer/Organization shall contact with		Nhà sản xuất/Tổ chức liên hệ với VCC&C

	CERTIFICATION PROCEDURE UTZ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN UTZ	Mã số: PM-16/UC
		Ngày: 01/05/2019
		Trang: 8/17

	VCC&C to receive documents relating to Utz audit. These documents include:		để có các tài liệu liên quan đến hoạt động đánh giá chứng nhận Utz. Các tài liệu này bao gồm:
	General regulation on certification (PM-17)		Quy định về chứng nhận (PM-17)
	The certification request form		Đơn yêu cầu chứng nhận
	Organization/Producer who request for Utz certification must submit the document to VCC&C to apply for certification, including:		Nhà sản xuất/Tổ chức yêu cầu đánh giá chứng nhận Utz phải nộp hồ sơ đăng ký chứng nhận cho VCC&C, bao gồm có:
	The certification request form		Đơn yêu cầu chứng nhận
	Quality Manual (If any)		Sổ tay chất lượng (nếu có)
	Records of internal inspection (plan, list of items inspected, summary report, corrective action)		Hồ sơ về thanh tra nội bộ (Kế hoạch, danh mục thanh tra, biên bản tổng kết, hành động khắc phục)
	Organization Diagram		Sơ đồ tổ chức
	List of farmers (type ... size, yield, average yield of 04 years)		Danh sách các nông hộ tham gia (Loại ..., diện tích, sản lượng, sản lượng trung bình 4 năm qua ...).
4.3.2	Preparation for audit	4.3.2	Chuẩn bị đánh giá
	a) Review of record of organization/producer		a) Xem xét hồ sơ của Tổ chức/Nhà sản xuất:
	The certification request form		Đơn yêu cầu chứng nhận
	Self assessment result of organization		Kết quả tự đánh giá của Tổ chức/Nhà sản xuất
	Record of previous assessment (if any)		Hồ sơ của những lần đánh giá trước (nếu có)
	Related documents		Các hồ sơ khác có liên quan
	VCC&C shall announce to Organization/Producer regarding the decision on performing certification audit within 14 days after received the certification request form (when all inappropriate points in documents of Organization/Producer are resolved)		VCC&C sẽ thông báo cho Tổ chức/Nhà sản xuất về quyết định đánh giá chứng nhận của mình trong thời gian 14 ngày sau khi nhận được đơn yêu cầu chứng nhận (khi tất cả các điểm chưa đáp ứng trong hồ sơ của Tổ chức/Nhà sản xuất được giải quyết).
	b) Signing contract		b) Ký kết hợp đồng :
	After review the application documents, VCC&C shall decide to perform certification audit by signing contract with Organization/Producer (base on scope, size, type of registered product, processing or not		Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký, VCC&C quyết định việc đánh giá chứng nhận bằng hợp đồng được ký kết với Tổ chức/Nhà sản xuất (dựa trên phạm vi, diện tích, loại sản phẩm đăng ký, có chế biến hay không ... để tính toán chi phí

	CERTIFICATION PROCEDURE UTZ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN UTZ	Mã số: PM-16/UC
		Ngày: 01/05/2019
		Trang: 9/17

	processing...) to calculate cost and have specific plan		và có kế hoạch cụ thể).
	c) Build audit plan		c) Lập kế hoạch đánh giá
	VCC&C shall allocate appropriate personnel for audit		VCC&C sẽ quyết định phân bổ nhân sự phù hợp cho hoạt động đánh giá
	Auditor assigned shall receive necessary information: documents to apply for certification, records of previous audits(if any) in order to Make audit plan and prepare contents, necessary documents for the audit		Chuyên gia đánh giá được phân công sẽ nhận thông tin cần thiết: Hồ sơ đăng ký chứng nhận và Hồ sơ của các lần đánh giá trước (nếu có) để tiến hành Lập kế hoạch đánh giá và chuẩn bị các nội dung, tài liệu cần thiết phục vụ cuộc đánh giá.
	Before performing audit, assigned auditor must define the audit plan which was sent to organization/producer		Trước khi tiến hành đánh giá, chuyên gia đánh giá được phân công đánh giá phải xác nhận lại kế hoạch đánh giá đã được chuyển cho Tổ chức /Nhà sản xuất.
4.3.3	Audit	4.3.3	Đánh giá
	Auditor performs audit activities of Organization/Producer as per Utz (orders of steps upon the guidance in audit handbook and forms of the procedures)		Chuyên gia đánh giá tiến hành đánh giá hoạt động của Nhà sản xuất/Tổ chức theo yêu cầu của tiêu chuẩn Utz (trình tự các bước cụ thể theo các hướng dẫn trong cẩm nang đánh giá và sử dụng các biểu mẫu của quy trình).
4.3.4	Addendum audit (if any)	4.3.4	Đánh giá bổ sung (Nếu có)
	Depend on nature of non-compliances found in audit (mandatory, additional), Organization/Producer must clearly determine the cause, propose corrective action and implement corrective action within the defined time		Tùy thuộc vào bản chất các điểm không tuân thủ được phát hiện trong cuộc đánh giá (bắt buộc, bổ sung), Tổ chức /Nhà sản xuất phải xác định rõ nguyên nhân, đề xuất hành động khắc phục và thực hiện hành động khắc phục trong khoảng thời gian đã được xác định.
	Non-compliances and time for implementing corrective action must be followed by Organization/Producer		Các điểm không tuân thủ và thời gian thực hiện hành động khắc phục phải được Tổ chức /Nhà sản xuất tuân theo.
	After implementing corrective action, Organization/Producer must send the result of implementing corrective actions(including the evidences such as picture, record, documents...) to VCC&C and auditor shall consider to conduct an addendum audit if necessary		Sau khi thực hiện các hành động khắc phục, Tổ chức /Nhà sản xuất phải gửi kết quả thực hiện các hành động khắc phục (bao gồm cả: bằng chứng khắc phục như hình ảnh, hồ sơ, tài liệu ...) cho VCC&C và chuyên gia đánh giá sẽ cân nhắc việc thực hiện cuộc đánh giá bổ sung.
4.3.5	Audit report	4.3.5	Báo cáo đánh giá
	After finished the audit, Auditor shall complete summary report and submit related documents to Certification Committee for perusal. Documents include:		Chuyên gia đánh giá sau khi hoàn tất cuộc đánh giá, viết Báo cáo tổng kết và chuyển các hồ sơ liên quan đến Hội đồng chứng nhận xem xét. Hồ sơ báo cáo bao gồm:

	CERTIFICATION PROCEDURE UTZ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN UTZ	Mã số: PM-16/UC
		Ngày: 01/05/2019
		Trang: 10/17

	• Checklist		• Danh mục đánh giá
	• Non-conformity Report and Recommendation		• Báo cáo những điểm không phù hợp và nhận xét
	• Corrective action Form (if any) • Annex 1		• Phiếu theo dõi hành động khắc phục và bằng chứng khắc phục (nếu có) • Phụ lục 1
	• Annex 2		• Phụ lục 2
	• Summary report		• Báo cáo tổng kết
4.3.6	Report review and certification decision making	4.3.6	Xem xét báo cáo và quyết định chứng nhận
	The certification committee of VCC&C shall review report and related documents and then making decision on granting license		Hội đồng chứng nhận VCC&C xem xét báo cáo và các hồ sơ có liên quan sau đó sẽ ra quyết định về việc phát hành chứng nhận.
	VCC&C shall announce the case that license is not granted, withdrawn (if any) when Organization/Producer does not comply with current version Utz protocol		VCC&C sẽ thông báo việc không phát hành, đình chỉ, thu hồi chứng nhận (nếu có) khi mà Tổ chức /Nhà sản xuất không đảm bảo tuân thủ theo – Quy chế chứng nhận Utz phiên bản hiện hành.
	Announcement on license suspension, withdrawal shall be informed to Utz, Organization/Producer and related organization		Thông báo đình chỉ, thu hồi chứng nhận sẽ được gửi cho Tổ chức Utz, Tổ chức /Nhà sản xuất và các tổ chức liên quan.
4.3.7	License granting	4.3.7	Cấp chứng nhận
	The certification department shall base on the decision on granting Utz license made by the Certification committee (Lead Auditor) to prepare Certificate then sending it to customer		Phòng chứng nhận căn cứ vào quyết định phát hành chứng nhận Utz của Hội đồng chứng nhận (chuyên gia trưởng) và hoàn thành Giấy chứng nhận chuyển đến khách hàng.
	The certification department when preparing certificate must accurately fulfill the information of the organization/producer certified		Phòng chứng nhận khi chuẩn bị giấy chứng nhận chú ý ghi chính xác các thông tin về Tổ chức /Nhà sản xuất được chứng nhận.
	The certificate validity are implemented according to Utz certification protocol		Hiệu lực chứng nhận được thực hiện theo quy chế chứng nhận Utz.
	The certification department update and monitor Organization/Producer in the list of companies certified		Phòng chứng nhận cập nhật Tổ chức /Nhà sản xuất được chứng nhận vào danh sách các Công ty được chứng nhận để theo dõi.
4.3.8	Surveillance/unannounced audit	4.3.8	Giám sát/Đánh giá đột xuất
	Annually VCC&C shall conduct surveillance/unannounced audit at Organization/Producer to check how they		Hàng năm VCC&C sẽ tiến hành giám sát, đánh giá đột xuất việc Tổ chức/Nhà sản xuất duy trì, thực hiện các yêu cầu theo

	CERTIFICATION PROCEDURE UTZ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN UTZ	Mã số: PM-16/UC
		Ngày: 01/05/2019
		Trang: 11/17

	maintain, implement requirements of Utz, logo use, certificate and compliance to general regulation on certification		tiêu chuẩn chứng nhận Utz, sử dụng logo của Utz, giấy chứng nhận và việc tuân thủ các quy định chung về hoạt động chứng nhận
	Surveillance/unannounced audit and audit plan are implemented according to certification protocol of Utz - current version		Việc giám sát, đánh giá đột xuất và kế hoạch đánh giá đột xuất được thực hiện theo Quy chế chứng nhận Utz– Phiên bản hiện.
	Result of surveillance/unannounced audit is the base for VCC&C to decide to maintain, warn, suspend, withdraw the certificate of Organization/Producer		Kết quả giám sát, đánh giá đột xuất là cơ sở để VCC&C quyết định việc duy trì, cảnh cáo, đình chỉ, thu hồi chứng nhận đối với Tổ chức /nhà sản xuất.
	Result, plan, report of surveillance/unannounced audit are announced and updated timely for Utz		Tất cả kết quả giám sát, kế hoạch, báo cáo, của việc đánh giá đột xuất đều được thông báo và cập nhật kịp thời cho tổ chức Utz
4.3.9	Re-certification audit	4.3.9	Đánh giá chứng nhận lại
	Before expiration date of the certificate, VCC&C shall announce Organization/Producer to prepare re-certification audit		Trước khi hiệu lực giấy chứng nhận hết hạn, VCC&C sẽ thông báo để Tổ chức/Nhà sản xuất chuẩn bị đánh giá chứng nhận lại.
	If certified organization/producer wants to maintain the certification, VCC&C will carry out the re-certification audit		Nếu Tổ chức/Nhà sản xuất được chứng nhận muốn tiếp tục duy trì chứng nhận thì VCC&C sẽ tiến hành đánh giá chứng nhận lại
	Re-certification audit process is conducted as the same with initial certification		Quá trình đánh giá lại được tiến hành như đánh giá lần đầu.
5	Applied forms, Kept records	5	Biểu mẫu áp dụng, Hồ sơ lưu trữ
5.1	Forms applicable for coffee	5.1	Biểu mẫu áp dụng đối với cà phê

No. STT	Name of Forms / Records Tên của hồ sơ,biểu mẫu	Kept by Nơi lưu	Duration Thời gian lưu
1	The certification request form Đơn yêu cầu chứng nhận Code: BM/CN/PM-16-UC/01	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
2	Contract Hợp đồng Code: BM/CN/PM-16-UC/02	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
3	Audit plan Kế hoạch đánh giá Code: BM/CN/PM-16-UC/03	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
4	Minutes of meetings	Certificaton Dep.	06 years

	CERTIFICATION PROCEDURE UTZ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN UTZ	Mã số: PM-16/UC
		Ngày: 01/05/2019
		Trang: 12/17

No. STT	Name of Forms / Records Tên của hồ sơ, biểu mẫu	Kept by Nơi lưu	Duration Thời gian lưu
	Biên bản họp khai mạc Code: BM/CN/PM-16-UC/04	Phòng chứng nhận	6 năm
5	Checklist (CODE) Danh mục đánh giá (CODE) Code: BM/CN/PM-16-UC/05	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
6	Checklist (CHAIN) Danh mục đánh giá (CHAIN) Code: BM/CN/PM-16-UC/06	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
7	Non-conformity Report and Recommendation Báo cáo những điểm không phù hợp và nhận xét Code: BM/CN/PM-16-UC/07	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
8	Corrective action Form Phiếu theo dõi hành động khắc phục Code: BM/CN/PM-16-UC/08	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
9	Annex 1 (List of visited farms) Phụ lục 1 - Danh sách nông hộ được thanh tra Code: BM/CN/PM-16-UC/09	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
10	Annex 2 (List of checked records, documents) Phụ lục 2 - Danh sách hồ sơ tài liệu xem xét Code: BM/CN/PM-16-UC/10	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
11	Notice Thông báo Code: BM/CN/PM-16-UC/11	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
12	Summary report (COEDE) Báo cáo tổng kết (CODE) Code: BM/CN/PM-16-UC/12	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
13	Summary report (CHAIN) Báo cáo tổng kết (CHAIN) Code: BM/CN/PM-16-UC/13	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
14	Review report Báo cáo thẩm xét Code: BM/CN/PM-16-UC/14	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
15	Information of certificate Thông tin chứng nhận Code: BM/CN/PM-16-UC/15	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
16	Decision of certificate Quyết định chứng nhận Code: BM/CN/PM-16-UC/16	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm

	CERTIFICATION PROCEDURE UTZ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN UTZ	Mã số: PM-16/UC
		Ngày: 01/05/2019
		Trang: 13/17

No. STT	Name of Forms / Records Tên của hồ sơ,biểu mẫu	Kept by Nơi lưu	Duration Thời gian lưu
17	Certificate (CODE) Chứng nhận (CODE) Code: BM/CN/PM-16-UC/17	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
18	Certificate (CHAIN) Chứng nhận – CHAIN Code: BM/CN/PM-16-UC/18	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
19	List of organization/Unit receive UTZ certificate Danh mục các Tổ chức/Đơn vị đạt chứng nhận Utz Code: BM/CN/PM-16-UC/19	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
20	The Certification Prolongation Request Form Đơn yêu cầu gia hạn chứng nhận Code: BM/CN/PM-16-UC/20	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
21	Notice (Re: Violation of) Thông Báo (V/v Vi phạm) Code: BM/CN/PM-16-UC/21	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
22	Results of Utz audit at Partner Kết quả đánh giá UTZ tại đối tác Code: BM/CN/PM-16-UC/22	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
23	Statement Confidentiality Cam kết bảo mật Code: BM/QM/PM-8.4/10	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
24	Customer Feedback Form Nhận xét của khách hàng Code: BM/QM/PM-8.4/11	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm

5.2	Forms applicable for cocoa	5.2	Biểu mẫu áp dụng đối với cacao
------------	-----------------------------------	------------	---------------------------------------

No. STT	Name of Forms / Records Tên của hồ sơ,biểu mẫu	Kept by Nơi lưu	Duration Thời gian lưu
1	The certification request form Đơn yêu cầu chứng nhận Code: BM/CN/PM-16-UC/01	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
2	Contract Hợp đồng Code: BM/CN/PM-16-UC/02	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm

	CERTIFICATION PROCEDURE UTZ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN UTZ	Mã số: PM-16/UC
		Ngày: 01/05/2019
		Trang: 14/17

No. STT	Name of Forms / Records Tên của hồ sơ,biểu mẫu	Kept by Nơi lưu	Duration Thời gian lưu
3	Audit plan Kế hoạch đánh giá Code: BM/CN/PM-16-UC/03	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
4	Minutes of meetings Biên bản họp khai mạc Code: BM/CN/PM-16-UC/04	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
5	Checklist (CODE) Danh mục đánh giá (CODE) Code: BM/CN/PM-16-UCC/05	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
6	Checklist (CHAIN) Danh mục đánh giá (CHAIN) Code: BM/CN/PM-16-UCC/06	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
7	Non-conformity Report and Recommendation Báo cáo những điểm không phù hợp và nhận xét Code: BM/CN/PM-16-UC/07	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
8	Corrective action Form Phiếu theo dõi hành động khắc phục Code: BM/CN/PM-16-UC/08	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
9	Annex 1 (List of visited farms) Phụ lục 1 - Danh sách nông hộ được thanh tra Code: BM/CN/PM-16-UC/09	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
10	Annex 2 (List of checked records, documents) Phụ lục 2 - Danh sách hồ sơ tài liệu xem xét Code: BM/CN/PM-16-UC/10	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
11	Notice Thông báo vi phạm Code: BM/CN/PM-16-UC/11	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
12	Summary report (COEDE) Báo cáo tổng kết (CODE) Code: BM/CN/PM-16-UCC/12	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
13	Summary report (CHAIN) Báo cáo tổng kết (CHAIN) Code: BM/CN/PM-16-UCC/13	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
14	Review report Báo cáo thẩm xét Code: BM/CN/PM-16-UC/14	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
15	Information of certificate Thông tin chứng nhận Code: BM/CN/PM-16-UC/15	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
16	Decision of certificate	Certificaton Dep.	06 years

	CERTIFICATION PROCEDURE UTZ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN UTZ	Mã số: PM-16/UC
		Ngày: 01/05/2019
		Trang: 15/17

No. STT	Name of Forms / Records Tên của hồ sơ,biểu mẫu	Kept by Nơi lưu	Duration Thời gian lưu
	Quyết định chứng nhận Code: BM/CN/PM-16-UC/16	Phòng chứng nhận	6 năm
17	Certificate (CODE) Chứng nhận (CODE) Code: BM/CN/PM-16-UC/17	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
18	Certificate (CHAIN) Chứng nhận – CHAIN Code: BM/CN/PM-16-UC/18	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
19	List of organization/Unit receive UTZ certificate Danh mục các Tổ chức/Đơn vị đạt chứng nhận Utz Code: BM/CN/PM-16-UC/19	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
20	The Certification Prolongation Request Form Đơn yêu cầu gia hạn chứng nhận Code: BM/CN/PM-16-UC/20	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
21	Notice (Re: Violation of) Thông Báo (V/v Vi phạm) Code: BM/CN/PM-16-UC/21	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
22	Results of Utz audit at Partner Kết quả đánh giá UTZ tại đối tác Code: BM/CN/PM-16-UC/22	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
23	Statement Confidentiality Cam kết bảo mật Code: BM/QM/PM-8.4/10	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
24	Customer Feedback Form Nhận xét của khách hàng Code: BM/QM/PM-8.4/11	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm

5.3	Forms applicable for tea	5.3	Biểu mẫu áp dụng đối với chè
------------	---------------------------------	------------	-------------------------------------

No. STT	Name of Forms / Records Tên của hồ sơ,biểu mẫu	Kept by Nơi lưu	Duration Thời gian lưu
1	The certification request form Đơn yêu cầu chứng nhận Code: BM/CN/PM-16-UC/01	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
2	Contract Hợp đồng	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm

	CERTIFICATION PROCEDURE UTZ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN UTZ	Mã số: PM-16/UC
		Ngày: 01/05/2019
		Trang: 16/17

No. STT	Name of Forms / Records Tên của hồ sơ, biểu mẫu	Kept by Nơi lưu	Duration Thời gian lưu
	Code: BM/CN/PM-16-UC/02		
3	Audit plan Kế hoạch đánh giá Code: BM/CN/PM-16-UC/03	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
4	Minutes of meetings Biên bản họp khai mạc Code: BM/CN/PM-16-UC/04	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
5	Checklist (CODE) Danh mục đánh giá (CODE) Code: BM/CN/PM-16-UT/05FAR	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
6	Checklist (CODE) Danh mục đánh giá (CODE) Code: BM/CN/PM-16-UT/05FAC	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
7	Checklist (CHAIN) Danh mục đánh giá (CHAIN) Code: BM/CN/PM-16-UT/06	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
8	Non-conformity Report and Recommendation Báo cáo những điểm không phù hợp và nhận xét Code: BM/CN/PM-16-UC/07	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
9	Corrective action Form Phiếu theo dõi hành động khắc phục Code: BM/CN/PM-16-UC/08	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
10	Annex 1 (List of visited farms) Phụ lục 1 - Danh sách nông hộ được thanh tra Code: BM/CN/PM-16-UC/09	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
11	Annex 2 (List of checked records, documents) Phụ lục 2 - Danh sách hồ sơ tài liệu xem xét Code: BM/CN/PM-16-UC/10	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
12	Notice Thông báo Code: BM/CN/PM-16-UC/11	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
13	Summary report (CODE) Báo cáo tổng kết (CODE) Code: BM/CN/PM-16-UT/12	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
14	Summary report (CHAIN) Báo cáo tổng kết (CHAIN) Code: BM/CN/PM-16-UT/13	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm

	CERTIFICATION PROCEDURE UTZ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN UTZ	Mã số: PM-16/UC
		Ngày: 01/05/2019
		Trang: 17/17

No. STT	Name of Forms / Records Tên của hồ sơ,biểu mẫu	Kept by Nơi lưu	Duration Thời gian lưu
15	Review report Báo cáo thẩm xét Code: BM/CN/PM-16-UC/14	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
16	Information of certificate Thông tin chứng nhận Code: BM/CN/PM-16-UC/15	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
17	Decision of certificate Quyết định chứng nhận Code: BM/CN/PM-16-UC/16	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
18	Certificate (CODE) Chứng nhận (CODE) Code: BM/CN/PM-16-UC/17	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
19	Certificate (CHAIN) Chứng nhận – CHAIN Code: BM/CN/PM-16-UC/18	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
20	List of organization/Unit receive UTZ certificate Danh mục các Tổ chức/Đơn vị đạt chứng nhận Utz Code: BM/CN/PM-16-UC/19	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
21	The Certification Prolongation Request Form Đơn yêu cầu gia hạn chứng nhận Code: BM/CN/PM-16-UC/20	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
22	Notice (Re: Violation of) Thông Báo (V/v Vi phạm) Code: BM/CN/PM-16-UC/21	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
23	Results of Utz audit at Partner Kết quả đánh giá UTZ tại đối tác Code: BM/CN/PM-16-UC/22	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
24	Statement Confidentiality Cam kết bảo mật Code: BM/QM/PM-8.4/10	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm
25	Customer Feedback Form Nhận xét của khách hàng Code: BM/QM/PM-8.4/11	Certificaton Dep. Phòng chứng nhận	06 years 6 năm